

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA BÈ  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày: 10-01-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Út Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nông Ngọc Hóa**

Bà **Đỗ Thị Láng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ưu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Hòa** và bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/HSST-QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

**Chu Văn T**, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2001, tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T1 và bà Cà Thị H; vợ, con: Không có; tiền án: Không có; tiền sự: 02 (Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 04/QĐ-TA ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm buộc chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 12 tháng; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 974/QĐ-XPHC ngày 05/10/2022 của UBND thị trấn C, huyện B xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản).

Nhân thân: Quyết định số 372/QĐ-XPHC ngày 26/8/2019 của Công an huyện P 1.250.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 23/9/2023, có mặt.

*\* Bị hại:*

- Bà **Sầm Thị P**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Bùi Trung T2**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Cao Văn P1**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tiểu khu I, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh **Hoàng Văn M**, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Cà Thị H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Người làm chứng:*

- Chị **Phùng Thị M1**, sinh năm 1998. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Chính Đ**, sinh năm 1996. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 13/6/2023, bà Sầm Thị P đi làm về phát hiện đồ đạc trong nhà bị lục lọi, qua kiểm tra thấy mất 01 bao ngô hạt, loại ngô tẻ, nặng khoảng 50 kg; 01 vòng kim loại đeo cổ; 03 vòng kim loại dạng khuyên tai màu trắng bạc. Sau đó, bà P trình báo với cơ quan công an. Qua xác minh, cơ quan điều tra xác định Chu Văn T sinh năm 2001, trú tại thôn N, xã N, huyện P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà P4 khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 13/6/2023, T và Hoàng Văn V, trú tại xã Đ, huyện B ở gần công Trung tâm y tế huyện B, T và V rủ nhau đi dọc đường của các xã với mục đích thấy tài sản, đồ vật gì có giá trị thì trộm để bán. V mượn xe máy của anh Hoàng Văn M chở T đi đến xã C, huyện P về xã C, huyện B vào thôn N nhà bà Sầm Thị P phía dưới đường, T đứng trước cửa gọi vài câu “chú ơi” mục đích là để xem có ai ở nhà hay không, thấy không có người trả lời, T vào sát cửa chính thấy cửa chốt cài phía trong nên luồn tay qua ô cửa kính bị vỡ để kéo chốt cài mở cửa. T và V vào trong nhà rồi đi vào buồng ngủ tìm tài sản thì thấy hai chiếc hòm bằng kim loại, T lấy chiếc kim gần đó cạy mở ổ khóa, mở nắp hòm lục tìm tài sản nhưng không có tài sản gì có giá trị. Thuật tiếp tục mở nắp hòm còn lại (hòm không có khóa), thấy chiếc vòng bằng kim loại, dạng vòng đeo cổ, T lấy vòng, rồi ra phòng khách cùng V nhắc một bao tải ngô hạt lên vai V, V đi trước còn T đi sau và cài lại chốt cửa ở phía ngoài. T và V về thị trấn C, huyện B để bán những tài sản vừa trộm cắp được; Khi đến tiểu khu D, thị trấn C, T xuống xe còn V mang bao

ngô đi bán ở đâu thì T không biết, được một lúc, V quay lại và đưa cho Thuật số tiền 150.000 đồng; T và V đến cửa hàng vàng bạc tại tiểu khu D bán chiếc vòng kim loại vừa trộm được và V đưa cho T chiếc vòng kim loại màu trắng, dạng khuyên tai mà V trộm được ở nhà bà P, tuy nhiên, cửa hàng vàng bạc không mua. Đến ngày 16/6/2023 khi sự việc bị phát hiện thì T giao nộp chiếc vòng cho Cơ quan điều tra.

Vào khoảng 17 giờ ngày 19/6/2023, Chu Văn T và Nguyễn Chính Đ1 gặp nhau gần cổng Trung tâm y tế huyện B nói chuyện, T và Đ rủ nhau đi dọc đường xem có tài sản gì thì lấy trộm mang bán. T và Đ mượn xe máy của Cao Văn P1 sinh năm 1990, trú tại tiểu khu I, thị trấn C, huyện B đó để đi. T điều khiển xe chở Đ đến đầu cầu T, xã T dừng xe; Thuật, Đ đi bộ xuống gầm cầu nhìn thấy hai cánh cửa khung kim loại, mặt kính còn nguyên vẹn của ông Bùi Trung T2 ở chân cầu, quan sát không có người, T, Đ nhấc hai cánh cửa mang ra bụi chuối cách đó khoảng 10m, rồi cùng nhau dùng chân đạp vỡ hết mặt kính của một cánh cửa và bẻ khung cửa thành nhiều đoạn, có kích thước khác nhau; tiếp đó, cùng nhau đạp vỡ hết kính của khung cửa thứ hai thì bị ông T2 phát hiện; T và Đ bỏ chạy, ông T2 nhận ra trong đó có một người là Nguyễn Chính Đ, ông T2 đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 29/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 47kg ngô hạt, loại ngô tẻ, tại thời điểm ngày 13/6/2023 có giá trị là 376.000 đồng; 01 chiếc bao tải màu cam có giá trị là 2.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 05/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 02 cánh cửa có đặc điểm khung nhôm (loại nhôm thường), mặt kính có hoa văn, kích thước mỗi cánh cửa là 1,77m x 0,75m, tại thời điểm ngày 19/6/2023 có giá trị là 1.125.000 đồng.

Kết luận giám định số 5036/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của V1 Bộ C kết luận: 01 vòng kim loại màu vàng nhạt - trắng, loại vòng đeo cổ, trên vòng có hoa văn và các chữ "1990 CHIÊU" có khối lượng 273,3 gam là hợp kim đồng (Cu), kẽm (Zn1(Ni)); Hàm lượng Cu 70,43%; Zn: 19,98%; Ni: 9,59%; bên ngoài vòng có mạ bạc (Ag); 03 vòng kim loại màu trắng dạng khuyên tai có tổng khối lượng 2,62 gam là bạc (Ag); hàm lượng trung bình A99,16%.

Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 vòng kim loại màu vàng nhạt - trắng, loại vòng đeo cổ, tại thời điểm ngày 13/6/2023 có giá trị là 17.000 đồng; 03 vòng kim loại màu trắng dạng khuyên tai, thời điểm ngày 13/6/2023 có giá trị là 49.000 đồng.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSBB ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Chu Văn T tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Chu Văn T theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/9/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình giải quyết vụ án xác định bị cáo thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản, không có việc làm và không có thu nhập; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị hại Sầm Thị P 01 chiếc kim; 01 ổ khóa Việt Nhật; 01 vòng kim loại dạng vòng đeo cổ; 03 vòng kim loại dạng khuyên tai.

+ Trả lại cho bị hại Bùi Trung T2 01 khung cửa kim loại; 15 đoạn kim loại.

- Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Kiểm sát viên là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.*

*Về thủ tục tố tụng: Vắng mặt những người tham gia tố tụng gồm: Bị hại bà Sầm Thị P, ông Bùi Trung T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cà Thị H, Cao Văn P1, Hoàng Văn M và những người làm chứng. Những người tham gia tố tụng trên đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu đầy đủ ý kiến đối với*

phần quyền, nghĩa vụ liên quan của họ. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 12 giờ ngày 13/6/2023, tại thôn N, xã C, huyện B lấy trộm 47 kg ngô hạt đựng trong một bao tải màu cam; 01 chiếc vòng kim loại, dạng vòng đeo cổ; 03 (ba) chiếc vòng kim loại màu trắng, dạng khuyên tai của bà Sầm Thị P giá trị tài sản là 444.000 đồng; Đến 17 giờ ngày 19/6/2023 tại thôn T, xã T, huyện B trộm 02 (hai) khung cửa bằng nhôm kính trị giá 1.125.000 đồng của ông Bùi Trung T2; Tuy hai lần trộm cắp giá trị tài sản chưa đến 2.000.000 đồng, nhưng trước đó, Chu Văn T bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản tại Quyết định số 974/QĐ-XPHC ngày 05/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố bị cáo Chu Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “cố ý gây thương tích”; năm 2021 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; năm 2022 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần vào các ngày 13/6/2023 và 19/6/2023, chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có 01 tiền sự ngày 05/10/2022 về hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Sầm Thị P bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong các giai đoạn tố tụng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

*[4] Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/9/2023 là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình giải quyết vụ án xác định bị cáo thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản, không có việc làm và không có thu nhập; Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*[5] Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại bà Sầm Thị P nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường 378.000 đồng vào ngày 08/11/2023 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Tại giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Bùi Trung T2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; bà Cà Thị H1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường cho bà P, bị cáo Chu Văn T không yêu cầu Hoàng Văn V phải liên đới bồi thường và không yêu cầu V phải trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại Sầm Thị P.

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết những nội dung trên.

*[6] Về vật chứng:* Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại Sầm Thị P các tài sản sau:

+ 01 (một) chiếc vòng kim loại, dạng vòng đeo cổ;

+ 03 (ba) chiếc vòng màu trắng, dạng khuyên tai;

+ 01 (một) chiếc kim kim loại, tay cầm bọc nhựa, trên tay cầm có dòng chữ “YCU-II”;

+ 01 (một) ổ khóa màu vàng, khóa ở trạng thái mở, trên ổ khóa có dòng chữ “VIỆT NHẬT”.

- Trả lại cho ông Bùi Trung T2 tài sản sau:

+ 01 (một) khung cửa bằng nhôm, đã bị mất toàn bộ các mặt kính, có kích thước 1,77m x 0,75 m;

+ 15 (mười lăm) đoạn kim loại có kích thước khác nhau.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, đen, biển kiểm soát 97F7 - 0235, quá trình giải quyết xác định chủ sở hữu hợp pháp là Hoàng Văn M, V mượn xe và cùng T sử dụng làm phương tiện phạm tội thì M không biết. Do vậy, cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho Hoàng Văn M.

- 01 chiếc xe mô tô của Cao Văn P1 mà T và Đ mang đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi được T trả, P1 đã bán cho người không quen biết. Do vậy, không thu giữ lại được.

*[7] Vấn đề khác:*

- Trong vụ án này, có Hoàng Văn V khai nhận: Buổi trưa ngày 13/6/2023 sau khi gặp T ở cổng Trung tâm y tế huyện B rủ nhau đi chơi nhưng không có xe, nên V mượn xe máy biển kiểm soát 97F7-0235 của Hoàng Văn M điều khiển xe chở T đến xã C, huyện B, rồi đến xã C, huyện P lại quay về xã C. Khi đến đèo K thuộc xã C, V dừng xe đi vệ sinh, lúc này T một mình điều khiển xe về hướng thôn N lúc sau quay lại chở theo một bao ngô, V biết không biết T lấy ở

đâu. Sau đó, V điều khiển xe chở T đến tiểu khu D, T ngô xuống xe và đưa cho V chiếc vòng bằng kim loại dạng khuyên tai nhờ V giữ hộ, rồi V trả xe cho M; đến ngày 16/6/2023, V giao nộp 03 vòng kim loại dạng khuyên tai cho Cơ quan điều tra. Quá trình giải quyết, Hoàng Văn V bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra nhiều lần xác minh tuy nhiên không xác định được V đang ở đâu. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của Hoàng Văn V để xem xét xử lý sau.

- Nguyễn Chính Đ cùng T cấp tài sản vào ngày 19/6/2023, tuy nhiên trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng, Đ chưa bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra chuyên xử lý bằng biện pháp khác là phù hợp.

- Anh Hoàng Văn M cho V mượn xe, Cao Văn P1 khi T, Đ lấy xe đi, M và P1 đều không biết T, Đ sử dụng xe vào việc phạm tội nên không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 47, Điều 50, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Chu Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại bà Sầm Thị P tài sản sau:

+ 01 (một) chiếc vòng kim loại, dạng vòng đeo cổ;

+ 03 (ba) chiếc vòng màu trắng, dạng khuyên tai;

+ 01 (một) chiếc kim kim loại, tay cầm bọc nhựa, trên tay cầm có dòng chữ "YCU-II";

+ 01 (một) ổ khóa màu vàng, trạng thái mở, trên ổ khóa có dòng chữ "VIỆT NHẬT".

- Trả lại cho bị hại ông Bùi Trung T2 tài sản sau:

+ 01 (một) khung cửa bằng nhôm, đã bị mất toàn bộ các mặt kính, có kích thước 1,77m x 0,75 m;

+ 15 (mười lăm) đoạn kim loại có kích thước khác nhau.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 30/11/2023 giữa Công an huyện B với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn).*

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Chu Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại bà Sầm Thị P, Bùi Trung T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cà Thị H, Hoàng Văn M, Cao Văn P1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thị Út Hiền**





**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Xuân Thảo**

**Đàm Thị Hảo**

**Triệu Thị Út Hiền**









**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Anh Tuấn**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Anh Tuấn**







***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Nguyên đơn Dân sự; (1)
- Người có QL, NVLQ; (3)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Ba Bể; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**Hoàng Anh Tuấn**